

Bản án số: 73/2018/HS-ST

Ngày: 15-5-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hương;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Bưởi, cán bộ hưu trí; bà Lò Thị Dung nguyên là Giáo viên đã nghỉ hưu;

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Hà, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà:* Ông Phạm Quốc Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức D (*Tên gọi khác: không*); Sinh ngày 19 tháng 6 năm 2000 tại Sơn La; Nơi cư trú: Thôn 6, xã Chiềng Mung, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P (*đã chết*); Con bà: Đinh Thị H, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Văn M (*Tên gọi khác: không*); Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1999 tại Sơn La; Nơi cư trú: Tổ 6, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1970; Con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức Duy: Bà Đinh Thị Hà, trú tại Thôn 6, xã Chiềng Mung, huyện M là mẹ đẻ của bị cáo, có mặt;

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D: Luật sư Trần Minh Huân, thuộc Văn phòng Luật sư Trần Huân - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 25/11/2018, Nguyễn Đức D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn M, nói có người tên là Huy nhờ đi mua hộ ma túy mục đích về sử dụng chung. M đồng ý, Minh mượn xe máy của bố đẻ là Nguyễn Văn K chở D lên khu vực tổ 3, phường Quyết Tâm gặp Huy. Huy đưa cho D 500.000^d (*Năm trăm ngàn đồng*), nhờ D mua hồng phiến về sử dụng. D cầm tiền đưa cho M, M cất tiền vào túi áo khoác đang mặc và chở D xuống tổ 6, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La. Đến nơi, D ngồi trên xe còn M đi bộ về hướng xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La. Khi đến cổng nghĩa trang nhân dân xã Chiềng Ngần, M gặp và mua của một người đàn ông nhưng không biết tên, tuổi và địa chỉ được một gói gồm 4 viên hồng phiến với giá 500.000^d (*Năm trăm ngàn đồng*). M đi bộ ra chỗ D đợi rồi đưa cho D cầm, M tiếp tục chở D lên thành phố Sơn La, đến khu vực tổ 3 phường Quyết Tâm thì bị Công an thành phố Sơn La phát hiện, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Cơ quan Công an thành phố Sơn La thu giữ được vật chứng gồm: 01 gói băng dính màu đen bên trong có 01 gói giấy bạc bên trong gói giấy bạc có 04 viên hồng phiến (*Theo lời khai của D và M là hồng phiến*), 02 điện thoại di động đã qua sử dụng, 01 xe máy HONDA Airblade màu vàng đen biển kiểm soát 26B1-39799 đã qua sử dụng.

Cùng ngày 25/01/2018, Công an thành phố Sơn La tiến hành cân tịnh vật chứng, kết quả gói ma túy thu giữ của các bị cáo có trọng lượng 0,37 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định, ký hiệu MD.

Tại Kết luận giám định số 280/KLMT ngày 30/01/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu MD là chất ma túy, loại chất Methamphetamin; Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định do đã sử dụng hết*”. Tổng trọng lượng ma túy thu giữ của các bị cáo là 0,37 gam Methamphetamin.

Tại bản Cáo trạng số 41/KSĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D và

Nguyễn Văn M về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M đồng phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 101, khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 15 (*Mười năm*) tháng tù do bị cáo Nguyễn Văn D thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (*Mười bảy tuổi bảy tháng sáu ngày*); Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 15 (*Mười năm*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng tù;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự do các bị cáo là người mắc nghiện ma túy, thu nhập thấp, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị, các bị cáo không có tài sản riêng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) chiếc phong bì công văn đã niêm phong mặt trước phong bì ghi: “*Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn M sinh năm 1999 và Nguyễn Đức D sinh năm 2000 tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 25/01/2018*”, mặt sau có chữ ký và họ tên của thành phần tham gia niêm phong; Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, có viền màu cam, số Imei 5 số cuối 06626 đã qua sử dụng; 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng vàng mặt sau vỏ máy, số Imei 5 số cuối 10753 đã qua sử dụng; 01 (*Một*) chiếc sim điện thoại mạng Viettel có Sê ri sim 5 số đầu 8984 đã qua sử dụng do các bị cáo dùng liên lạc trong việc phạm tội; Chấp nhận ông Nguyễn Văn K đã nhận lại 01 xe máy HONDA Airblade màu vàng đen, Biển kiểm soát 26B1-39799 đã qua sử dụng, theo điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự do không liên quan trong vụ án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến của các bị cáo nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt để sớm được trở về với gia đình và làm ăn lương thiện.

Ý kiến Luật sư Trần Minh Huân: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn M, tạo cơ hội tốt nhất để các bị cáo sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Vào ngày 25/01/2018, Nguyễn Văn M và Nguyễn Đức D đã có hành vi Tàng trữ trái phép 0,37 gam Methamphetamine, mục đích sử dụng cho bản thân, thì bị tổ công tác Công thành phố Sơn La kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai 01 năm đến 05 năm ”:*

a).....

c) *Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn M với số lượng tàng trữ ma túy không lớn, mục đích tàng trữ là để sử dụng cho bản thân, do bị cáo là người đã và đang bị mắc nghiện ma túy. Các bị cáo đồng phạm tội giản đơn, mức độ phạm tội là ngang nhau, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do cố ý. Hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của các bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm phát sinh, lây lan các tệ nạn xã hội. Hành vi đó là nguy hiểm, gây mất trật tự an ninh và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đã được giáo dục, biết rõ tác hại của ma túy đối với con người và đời sống xã hội, song vẫn cố tình phạm tội, nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét, quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M: không có tiền án, không có tiền sự, bị cáo Nguyễn Đức D thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (*Mười bảy tuổi bảy tháng sáu ngày*) nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 101, khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cùng được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, song cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là công tác phòng, chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Các bị cáo đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Song, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, là người nghiện ma túy, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông tên là Huy đưa cho D 500.000^d (*Năm trăm nghìn đồng*) nhờ hai bị cáo đi mua ma túy sử dụng, song không có địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý; Đối với nguồn gốc 0,37 gam Methamphetamin, bị cáo M khai nhận do bị cáo mua của người không biết tuổi và địa chỉ nên không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

[4]. Về vật chứng vụ án: Đối với số vật chứng vụ án gồm 01(Một) chiếc phong bì công văn đã niêm phong mặt trước phong bì ghi: “*Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn M sinh năm 1999 và Nguyễn Đức D sinh năm 2000 tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 25/01/2018*”, mặt sau có chữ ký và họ tên của thành phần tham gia niêm phong cần tuyên tiêu hủy; Đối với 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, có viền màu cam, số Imei 5 số cuối 06626 đã qua sử dụng; 01(Một) chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng vàng mặt sau vỏ máy, số Imei 5 số cuối 1075301; (Một) chiếc sim điện thoại mạng Viettel có Sê ri sim 5 số đầu 8984 đã qua sử dụng cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước do cả hai bị cáo sử dụng liên lạc trong việc phạm tội, là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M đồng phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 101, khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (Ngày 25/01/2018).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (Ngày 25/01/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01(Một) chiếc phong bì Công văn đã niêm phong mặt trước phong bì ghi: “*Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn M sinh năm 1999 và Nguyễn Đức D sinh năm 2000 tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 25/01/2018*”, mặt sau có chữ ký và họ tên của thành phần tham gia niêm phong; Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu trắng, có viền màu cam, số Imei 5 số cuối 06626 đã qua sử dụng; 01(Một) chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng vàng mặt

sau vỏ máy, số Imei 5 số cuối 1075301; 01(Một) chiếc sim điện thoại mạng Viettel có Sêri sim 5 số đầu 8984 đã qua sử dụng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2017 giữa Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Đức D và Nguyễn Văn M, Luật sư, người đại diện hợp pháp cho bị cáo D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- CA thành phố;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- THA phạt tù;
- THADS thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát (2 bản);
- CA thành phố;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- THA phạt tù;
- THADS thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- CA thành phố;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- THA phạt tù;
- THADS thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

